

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 788/LĐLĐ

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Về việc Báo cáo công tác bồi dưỡng, giới thiệu
ĐVCD ưu tú cho Đảng và tham gia công tác
xây dựng, phát triển Đảng, giai đoạn 2020-2025.

Kính gửi: - Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở
- Công đoàn cơ sở trực thuộc

Căn cứ Công văn số 3518-CV/BTCTU ngày 07/10/2024 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc báo cáo tổng kết công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên nhiệm kỳ 2020-2025.

Để kịp thời tham mưu báo cáo gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng và tham gia công tác xây dựng, phát triển Đảng, giai đoạn 2020-2025 (tính từ 01/7/2020 đến 31/10/2024).

Báo cáo của các đơn vị căn cứ vào mục đích, yêu cầu của các chương trình, kế hoạch của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đã đề ra; nêu kết quả đạt được, so sánh với chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; đánh giá những thuận lợi, khó khăn, ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; nêu bài học kinh nghiệm, những giải pháp đột phá, mô hình, cách làm hay, hiệu quả; phương hướng trong thời gian tới; các đề xuất, kiến nghị (có đề cương, mẫu biểu kèm theo). Báo cáo gửi về Ban Tổ chức Liên đoàn Lao động tỉnh trước ngày **10/11/2024** và gửi file mềm để tổng hợp báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

(Chi tiết liên hệ: Đồng chí Nguyễn Thanh Hoài Ân, Phó Trưởng ban Tổ chức Liên đoàn Lao động tỉnh, số zalo 0913.788.293)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, Ban ToC, đc Ân.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Đạt

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Số lượng, mô hình tổ chức Đảng các cấp; số lượng đảng viên; đội ngũ cấp ủy viên cấp trên cơ sở, cấp cơ sở.
- Những thuận lợi, khó khăn cơ bản có liên quan tác động đến công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong nhiệm kỳ 2020-2025 (tương ứng đối với tổ chức Công đoàn).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện các chương trình kế hoạch, đề án và các chỉ đạo của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Thường trực cấp ủy cùng cấp về công tác phát triển đảng viên trong nhiệm kỳ 2020-2025 kèm theo dẫn chứng:

- Số liệu về các văn bản có liên quan đã ban hành (ghi chú thể loại, số hiệu văn bản, trích yếu); có hoặc không thành lập, kiện toàn ban chỉ đạo về công tác phát triển đảng viên hoặc công tác phát triển đảng viên ngoài khu vực Nhà nước (ghi chú số hiệu quyết định)?

- Số liệu về các hội nghị đã tổ chức có liên quan (nếu có; số lượng, thành phần triệu tập).

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng (nếu có)

- Kết quả thực hiện (kèm theo số liệu về tăng, giảm tổ chức; so sánh với đầu nhiệm kỳ, theo từng cấp).

- Kết quả công tác phối hợp xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (số liệu; so sánh với chỉ tiêu được giao).

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Ban Bí thư.

- Việc thực hiện các chỉ thị, hướng dẫn, quy định về nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ.

2.2 Công tác phát triển đảng viên

2.2.1 Xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên

- Tình hình, kết quả xây dựng nguồn quần chúng ưu tú: tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; trong doanh nghiệp, trong đối tượng: công chức, viên chức, công nhân, chủ doanh nghiệp).

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng: Việc tổ chức, bố trí thời gian cho các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; tổng số lớp, số lượng tham gia; số lớp dành riêng cho từng đối tượng cụ thể (nếu có: công nhân lao động trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước), số lượng tham gia. Việc thí điểm tổ chức bồi dưỡng trực tuyến (nếu có).

- Việc theo dõi, giúp đỡ quần chúng (phân công theo dõi giúp đỡ; sự phấn đấu của quần chúng ưu tú, v.v.).

- Thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên (viết lý lịch, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị; ban hành nghị quyết, quyết định. v.v.).

2.2.2 Kết quả kết nạp đảng viên mới

- Tổng số đảng viên kết nạp mới, so với chỉ tiêu được giao.

- Tỷ lệ quần chúng ưu tú được xem xét kết nạp vào Đảng trên tổng số quần chúng ưu tú đã qua lớp nhận thức về Đảng.

- Cơ cấu đảng viên mới kết nạp: nữ (số lượng, tỷ lệ); công chức, viên chức (số lượng, lý lịch); đoàn viên công đoàn, người lao động trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước (số lượng, tỷ lệ); chủ doanh nghiệp (số lượng, tỷ lệ).

- Độ tuổi bình quân của đảng viên mới kết nạp; trình độ chuyên môn: đại học; thạc sỹ; tiến sỹ; v.v...

2.2.3 Công nhận đảng viên chính thức

- Cử đảng viên tham các lớp bồi dưỡng đảng viên mới (thời gian tổ chức; tổng số lớp, với tổng số đảng viên dự bị tham gia học tập; đảng viên đủ thời gian 12 tháng dự bị nhưng chưa tham gia học; số lượng đảng viên dự bị được công nhận đảng viên chính thức; số lượng đã hết thời gian dự bị nhưng chưa công nhận chính thức (lý do cụ thể nếu có).

- Quy trình, thủ tục thực hiện.

- Số lượng đảng viên xin ra khỏi Đảng (lý do, số liệu tương ứng nếu có).

2.3 Công phân công nhiệm vụ, quản lý đảng viên

- Công tác quản lý đảng viên, việc phân công nhiệm vụ đảng viên; tình hình và số lượng đảng viên được miễn sinh hoạt.

- Công tác quản lý hồ sơ đảng viên; nhập, cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đảng viên (số lượng hồ sơ/đảng viên hiện có; nhập dữ liệu đảng viên; khai thác, sử dụng; v.v.).

2.4 Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; sàng lọc đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng (nếu có)

- Công tác kiểm tra, giám sát đảng viên (số liệu, văn bản).
- Số liệu xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên trong nhiệm kỳ (số liệu tương ứng từng hình thức xử lý kỷ luật); trong đó cụ thể số liệu sau:
 - + Số liệu đảng viên bị khai trừ (nguyên nhân, số liệu tương ứng); tỷ lệ so với đảng viên được kết nạp. (nếu có)
 - + Số liệu đảng viên bị xóa tên, xin ra khỏi Đảng (nguyên nhân, số liệu tương ứng), tỷ lệ so với đảng viên được kết nạp; số lượng trong thời gian dự bị, tỷ lệ so với đảng viên được kết nạp. (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ

- Ưu điểm.
- Hạn chế.
- Nguyên nhân ưu điểm, hạn chế (chủ quan, khách quan).
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và giải pháp khắc phục.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, MÔ HÌNH HAY

1. Bài học kinh nghiệm
2. Mô hình hay

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

LĐLĐ TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG

[illegible]

LĐLĐ TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

TỔ CHỨC ĐẢNG – ĐẢNG VIÊN
(từ 01/7/2020 đến 31/10/2024)

Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
I. Số tổ chức cơ sở đảng trong nhiệm kỳ 2020-2025		
1. Đảng bộ cơ sở		
Trong đó: + có kết nạp đảng viên		
+ Không còn quần chúng		
2. Chi bộ cơ sở		
Trong đó: + có kết nạp đảng viên		
+ Không còn quần chúng		
II. Số tổ chức đảng, đảng viên tính đến 31/10/2024		
1. Tổ chức đảng		
a. Tổng số tổ chức cơ sở đảng		
Trong đó: + Đảng bộ cơ sở		
+ Chi bộ cơ sở		
b. Đảng bộ bộ phận		
c. Chi bộ trực thuộc đảng ủy (Cơ sở, bộ phận).		
2. Tổng số đảng viên		
Trong đó: + Đảng viên dự bị		
+ Đảng viên chính thức		
+ Nữ		
+ Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh		
III. Đảng viên bị xử lý kỷ luật, đưa ra khỏi đảng (đảng viên kết nạp trong nhiệm kỳ 2020-2025)		
1. Xử lý kỷ luật		
+ Khiển trách		
+ Cảnh cáo		
+ Cách chức		
+ Khai trừ		
2. Ra khỏi đảng		
+ Đảng viên xin ra khỏi Đảng		
+ Xóa tên (theo Điều 8, Điều lệ Đảng)		
IV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, Công tác chuyển đảng chính thức		
1. Bồi dưỡng nhận thức về Đảng		
- Số lớp		
- Số lượng quần chúng ưu tú tham gia		
+ Đoàn viên TNCSHCM		

+ Đoàn viên công đoàn		
+ Khác		
2. Bồi dưỡng đảng viên mới		
+ Số lớp		
+ Số đảng viên dự bị tham gia		
3. Công tác chuyển đảng chính thức		
+ Đã chuyển đảng chính thức		
+ Chậm chuyển đảng chính thức (đủ 12 tháng)		

LĐLĐ TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN MỚI NHIỆM KỲ 2020-2025
(từ 01/7/2020 đến 31/10/2024)

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2	3	4
I. Tổng số đảng viên mới kết nạp			
Trong đó: + kết nạp lại			
+ Nữ			
+ Dân tộc thiểu số			
+ Tôn giáo			
+ Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh			
+ Chủ DN tư nhân			
+ Quần chúng vi phạm chính sách KHHGD			
+ Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài			
II. Phân tích đảng viên mới kết nạp			
1. Nghề nghiệp			
+ Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên.			
+ Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tính từ cấp huyện trở lên			
+ Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập			
+ Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
- Lãnh đạo, quản lý vào lao động trong các DN, chia ra:			
+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp			
+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất			
+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất			
- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp			
- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội và công an (lực lượng vũ trang)			
- Sinh viên			
- Học sinh			
- Khác (lao động hợp đồng, tự do...)			
2. Tuổi đời			
- Từ 18 – 30 tuổi			
- Tuổi 31 – 35 tuổi			
- Tuổi 36 – 40 tuổi			
- Tuổi 46 – 50 tuổi			
- Tuổi 51 – 55 tuổi			
- Tuổi 56 – 60 tuổi			
- Trên 60 tuổi			

- Tuổi bình quân			
3. Trình độ học vấn			
- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ			
- Tiểu học			
- Trung học cơ sở			
- Trung học phổ thông			
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
- Công nhân kỹ thuật, công nhân nghiệp vụ, sơ cấp			
- Trung cấp			
- Cao cấp			
- Đại học			
- Thạc sỹ (tương đương)			
- Tiến sỹ (tương đương)			
5. Chức danh khoa học			
- Phó giáo sư			
- Giáo sư			

LĐLĐ TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC
(Các đơn vị báo cáo theo mục tương ứng với đảng bộ mình)

[illegible]

[illegible]